

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 01 - 2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tố Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương

2. Bà Lê Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1088/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐ-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị G, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Thôn Quần Lai 2, xã T, huyện T1, tỉnh T2, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Trần Văn S, sinh năm 1987; địa chỉ thường trú: Thôn Quần Lai 2, xã T, huyện T1, tỉnh T2; tạm trú: khu phố B, phường B1, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 9 năm 2022, bản tự khai, quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị G trình bày:

Bà Lê Thị G và ông Trần Văn S tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và tiến đến hôn nhân, cả hai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1, tỉnh T2, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 05 ngày 09/01/2011.

Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian. Đến cuối năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Nhiều lần cả hai đã hàn gắn, cố gắng lắng nghe, thấu hiểu nhau nhưng mâu thuẫn không được giải quyết dứt điểm mà ngày càng trở nên trầm trọng. Do không chấp nhận được mâu thuẫn nên từ năm 2017 nguyên đơn đã quyết định ly thân với ông S, hiện nay nguyên đơn và ông S mỗi người mỗi nơi, mỗi cuộc sống riêng, không quan tâm, qua lại, gần gũi hay thăm hỏi gì. Đến nay, nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho nguyên đơn ly hôn với ông Trần Văn S.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, nguyên đơn và ông Trần Văn S có 01 người con chung tên Trần Lê L, sinh ngày 19/07/2012. Sau khi ly hôn, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho ông S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời với việc trình bày bản ý kiến khởi kiện, nguyên đơn cũng có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nguyên đơn trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án.

Chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp: Bản sao: Sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, giấy chứng minh nhân dân; trích lục kết hôn; giấy khai sinh con chung.

Tại bản tự khai ngày 07/12/2022 và biên bản lấy lời khai cùng ngày, bị đơn ông Trần Văn S trình bày:

Thông nhất về quan hệ hôn nhân cũng như mâu thuẫn vợ chồng như nguyên đơn trình bày. Bị đơn và nguyên đơn tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đôi khi có mâu thuẫn nhưng không đáng kể. Từ năm 2017 thì hai vợ chồng không sống chung với nhau, nguyên nhân do bị đơn không tập trung lo cho cuộc sống, bà G nhiều lần khuyên nhủ nhưng bị đơn không nghe nên bà G làm đơn ly hôn. Bị đơn xác định bị đơn vẫn thương yêu bà G và mong muốn vợ chồng hàn gắn để cùng nhau lo cho con cái nên đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý.

Về con chung: Bị đơn và nguyên đơn có 01 người con chung tên Trần Lê L, sinh ngày 19/07/2012. Trong thời gian nguyên đơn và bị đơn không sống chung với nhau thì bị đơn là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cũng như chăm lo việc học hành của con. Trường hợp Tòa án phải giải quyết cho ly hôn thì bị đơn yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và bị đơn không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn không yêu cầu phản tố và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn ông Trần Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn không đến tham gia phiên tòa.

Quá trình đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị G có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn với bị đơn ông Trần Văn S cũng như yêu cầu về con chung, cấp dưỡng nuôi con; bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Bị đơn không chấp hành đúng pháp luật do đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà G và ông S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà Lê Thị G khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn S và tranh chấp về việc nuôi con nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Trần Văn S cư trú tại phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, vì vậy theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 35 và Điểm a, Khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương thụ lý đúng thẩm quyền.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trần Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Lê Thị G và ông Trần Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1, tỉnh T2 nên hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.2.1] Nguyên đơn khai nhận, sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, đôi khi có mâu thuẫn nhưng vẫn hóa giải được. Tuy nhiên, từ năm 2017 đến nay nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân và không qua lại với nhau, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của ai, nguyên nhân là do hai bên không đồng quan điểm sống. Sau khi nguyên đơn gửi đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn thì bị đơn có nhắn tin cho nguyên đơn xin cho bị đơn cơ hội sửa đổi, tuy nhiên, do mâu thuẫn xảy ra đã lâu, hiện nguyên đơn không còn tình cảm với bị đơn nên mong muốn chấm dứt hôn nhân.

[2.2.2] Tại bản tự khai ngày 07/12/2022 và biên bản hòa giải cùng, bị đơn thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau từ giữa năm 2017 đến nay.

[2.2.3] Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có mâu thuẫn xảy ra trong thời kỳ hôn nhân dẫn đến hai bên đã sống ly thân từ giữa năm 2017 cho đến nay, hai bên không còn qua lại với nhau. Quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải để giúp nguyên đơn và bị đơn đoàn tụ nhưng nguyên đơn từ chối tham gia hòa giải vì xác định nguyên đơn không còn tình cảm với bị đơn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Bản thân bị đơn trong quá trình tố tụng cũng luôn có ý kiến muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho thấy bị đơn cũng ngầm chấp nhận việc ly hôn.

Qua lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình tố tụng cho thấy cuộc sống hôn nhân của bị đơn và nguyên đơn đã trở nên trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài khi không còn tồn tại tình yêu, sự quan tâm, chia sẻ. Mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn.

[2.2.6] Về con chung: Theo bản sao giấy khai sinh số 874, ngày 27/9/2022 của Ủy ban nhân dân xã Thọ Diên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa thì bị đơn và nguyên đơn có 01 con chung tên Trần Lê L, sinh ngày 19/7/2012. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho bị đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét thấy: Quá trình tố tụng, bị đơn có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Nguyên đơn cũng thừa nhận việc cháu Trần Lê L từ năm 2016 cho đến nay sống chung với bị đơn, do bị đơn trực tiếp chăm sóc việc sinh hoạt và học hành. Như vậy, hiện con chung đang sống ổn định với bị đơn, đồng thời cháu Trần Lê L cũng có nguyện vọng được sống cùng với ông S. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt, nhu cầu thiết yếu, nguyện vọng của con chung cũng như ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, cần tiếp tục giao con chung cho bị đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bị đơn không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con chung, đây là ý chí tự nguyện của bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2.6] Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[2.3] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp.

[2.4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, Điều 28; Điểm a, Khoản 1, Điều 35; Điểm a, Khoản 1, Điều 39; Khoản 3, Điều 144; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn của bà Lê Thị G về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với bị đơn ông Trần Văn S

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị G được ly hôn với ông Trần Văn S.

- Về con chung:

Giao con chung tên Trần Lê L, sinh ngày 19/7/2012 cho ông Trần Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị G không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0003402 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- THADS thành phố Thuận An;
- Đương sự;
- Phòng Tư pháp thành phố Thuận An;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tố Uyên